

VĂN HÓA TRUNG HOA PHẢN ÁNH QUA THÀNH NGỮ CÓ CHỨA CHỮ “火” (HUO) TRONG TIẾNG HÁN (SO SÁNH VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM THÔNG QUA THÀNH NGỮ CHỨA CHỮ “HỎA”, “LỬA” TRONG TIẾNG VIỆT)

Ngô Hoài Điệp*, Đỗ Hồng Thanh**

Thành ngữ là cụm từ hay đoản ngữ cố định được đúc kết, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Trong tiếng Hán và tiếng Việt, thành ngữ là bộ phận cấu thành quan trọng, có vai trò chuyển tải nội hàm văn hóa của hai dân tộc. Trong khuôn khổ bài viết này, dưới góc nhìn ngôn ngữ học văn hóa (Cultural linguistics), chúng tôi tiến hành bàn luận về văn hóa Trung Hoa được phản ánh qua thành ngữ có chứa chữ “火” (HUO) trong tiếng Hán và so sánh với văn hóa Việt Nam thông qua thành ngữ có chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, “lửa” có mối liên hệ mật thiết với phương thức sản xuất nông nghiệp nguyên thủy, chiến thuật quân sự trong chiến tranh thời cổ đại của Trung Quốc, phản ánh trạng thái cảm xúc, phương thức ứng xử, quan niệm sống, triết học, tôn giáo của cả hai dân tộc.

Từ khóa: Thành ngữ, Huo, Hỏa, Lửa, Văn hóa.

Idioms are fixed expressions or short phrases that are summed up and handed down from generation to generation. In Chinese and Vietnamese language, idioms are an important component that plays a key role in conveying the cultural connotations of both countries. Within the scope of this article, from the perspective of cultural linguistics, we discuss Chinese culture reflected in idioms containing the Chinese character “火” (Huo) and compare it with Vietnamese culture in idioms containing the words “Fire” in Vietnamese. Research findings show that fire had a close relationship with Chinese methods of primary cultivation and military strategies in ancient wars, reflecting people's moods, behavioral manners, conceptions of life, philosophy and religions of both countries.

Keywords: idioms, Huo, Fire, Culture.

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ là những cụm từ cố định, là đơn vị có sẵn trong kho từ vựng. Trong tiếng Hán và tiếng Việt, thành ngữ là bộ phận cấu thành quan trọng, có vai trò chuyển tải nội hàm văn hóa của cả hai dân tộc.

Trong văn hóa Trung Hoa, lửa có ý nghĩa không thể thay thế. Từ thời cổ đại, lửa đã xuất hiện với vai trò là một trong năm yếu tố cấu thành của thuyết Ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Đây cũng là năm yếu tố chính trong Đạo giáo - một trong Tam giáo chi phối đời sống tư tưởng văn hóa của người Trung Quốc một cách mạnh mẽ nhất. Trong Phật giáo, cùng với đất, nước, gió, lửa cũng là yếu tố chính cấu thành không thể thiếu. Lửa còn có vai

* Học viên cao học, ** TS., Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Hà Nội

Email: ngohoaidiep.81@gmail.com

trò quan trọng trong văn hóa dân gian Trung Quốc, phong tục thờ thần lửa có từ thời xa xưa, có ảnh hưởng đối với đời sống người Trung Quốc. Nội hàm văn hóa này cũng được thể hiện khá rõ nét trong thành ngữ có chứa chữ “火” (HUO) trong tiếng Hán. Do yếu tố địa lý - lịch sử, Việt Nam và Trung Quốc có sự giao lưu trên cả phương diện ngôn ngữ và văn hóa. Trong văn hóa Việt Nam, lửa cũng có vai trò quan trọng, là yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Điều này phần nào cũng được phản ánh thông qua thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt.

Kết quả khảo sát cho thấy, ở Trung quốc và Việt Nam, nghiên cứu về thành ngữ được sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu, tuy nhiên nghiên cứu về thành ngữ chứa chữ “火” (HUO) lại rất ít, tiêu biểu có 高列过/ Cao Liệt Quá (2009), 陈胤谷、姬广礼、贾德江/ Trần Dân Cốc, Cơ Quảng Lễ, Giả Đức Giang (2011). Hiện chúng tôi chưa tra cứu được nghiên cứu nào liên quan đến thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt.

Trong khuôn khổ bài viết này, dưới góc nhìn ngôn ngữ học văn hóa, thông qua các phương pháp như tra cứu văn bản, phân tích, miêu tả, so sánh, sử dụng nguồn ngữ liệu chủ yếu từ 《汉语成语大词典》/ “Đại từ điển thành ngữ tiếng Hán” (王兴国/ Vương Hưng Quốc, 华语教学出版社/ Nhà xuất bản dạy học Hoa ngữ, 2018) và “Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam” (Nguyễn Lân, Nhà xuất bản văn học, 2011), chúng tôi tiến hành bàn luận về văn hóa Trung Hoa được phản ánh thông qua thành ngữ có chứa chữ “火” (HUO) trong tiếng Hán và so sánh với văn hóa Việt Nam thông qua thành ngữ có chứa chữ

“Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt để thấy sự tương đồng khác biệt trong văn hóa của hai dân tộc.

2. Một số cơ sở lý luận

2.1. *Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa*

Ngôn ngữ và văn hóa là hai phạm trù có mối quan hệ mật thiết. Nhà ngôn ngữ học nhân chủng người Mỹ E.D. Sapir (1921, tr. 122) từng viết: “Đằng sau ngôn ngữ của một dân tộc luôn tồn tại phong văn hóa của dân tộc ấy, hơn thế ngôn ngữ không thể tồn tại độc lập với văn hóa”. L.R.Palmer (1936, tr. 151) cho rằng: “Lịch sử của ngôn ngữ và lịch sử của văn hoá luôn luôn đồng hành với nhau, chúng cùng hiệp tác, cùng hỗ trợ cho nhau”.

Trong “Tiến tới xác lập vốn từ vựng văn hóa Việt”, Nguyễn Văn Chiến (2004) cũng cho rằng ngôn ngữ là một hiện tượng văn hóa. Trong đó, văn hóa có ngoại diên lớn, còn ngôn ngữ có ngoại diên hẹp hơn, nhưng nội hàm lại rộng hơn. Mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ là mối quan hệ bao nhau, giữa chúng có điểm khác nhau, giao nhau và giống nhau.

Có thể thấy, ngôn ngữ không thể tách rời văn hóa. Ngôn ngữ phản ánh văn hóa xã hội, là hệ thống ký hiệu truyền tải, lưu giữ văn hóa của mỗi dân tộc. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa là mối quan hệ có ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, vô cùng mật thiết.

2.2. *Nghĩa của từ “火” (HUO) trong tiếng Trung Quốc*

《现代汉语词典》 (Từ điển Hán ngữ hiện đại) định nghĩa “火” (HUO) có 9 tầng nghĩa như sau:

- Ý nghĩa thứ nhất: ánh sáng và khói phát ra khi thiêu đốt vật thể
- Ý nghĩa thứ hai: chỉ súng pháo thuốc nổ
- Ý nghĩa thứ ba: hỏa khí
- Ý nghĩa thứ tư: hình dung màu đỏ
- Ý nghĩa thứ năm: so sánh sự nóng vội
- Ý nghĩa thứ sáu: so sánh sự thô bạo và phần nộ
- Ý nghĩa thứ bảy: hưng vượng, thịnh vượng
- Ý nghĩa thứ tám: có nghĩa giống từ “伙” (chỉ 10 quân binh thời cổ)
- Ý nghĩa thứ chín: họ

2.3. Nghĩa của từ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt

2.3.1. Nghĩa của từ “Hỏa” trong tiếng Việt

Theo “Từ điển Tiếng Việt”, “Hỏa” có hai tầng nghĩa:

- Tầng nghĩa thứ nhất: Lửa
- Tầng nghĩa thứ hai: Hiện tượng nhiệt độ cơ thể quá cao, biểu hiện là sốt, tinh thần nhiễu loạn, miệng khô, khát... (theo cách nói của Đông Y)

2.3.2. Nghĩa của từ “Lửa” trong tiếng Việt

“Từ điển Tiếng Việt” định nghĩa “Lửa” có hai tầng nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất: Nhiệt lượng và ánh sáng phát ra khi đốt vật thể

- Ý nghĩa thứ hai: Chỉ trạng thái tâm trạng sôi sục, tình cảm mãnh liệt (giống ngọn lửa trong người đang dâng cao)

3. Văn hóa Trung Hoa phản ánh qua thành ngữ chứa chữ “火” (HUO) trong tiếng Hán và điểm tương đồng khác biệt với văn hóa Việt Nam thông qua thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt

3.1. Phản ánh phương thức sản xuất nông nghiệp cổ đại

Trung Quốc là quốc gia lấy sản xuất nông nghiệp làm chủ đạo, tài nguyên cây trồng rất phong phú, phổ biến như cây kê, đậu nành, tiểu mạch, lúa nước, gạo nếp, cao lương, vừng... Do địa hình của Trung Quốc rất rộng lớn, đa dạng, điều kiện tự nhiên giữa các vùng miền có sự khác biệt lớn, canh tác nông nghiệp ở Trung Quốc bởi thế cũng không đơn nhất, miền Bắc chủ yếu trồng mạch ở vùng đất khô, miền Nam chủ yếu trồng lúa nước.

Phương thức sản xuất nông nghiệp nguyên thủy của Trung Quốc là phương pháp “hỏa canh” (韩鉴堂 / Hàn Giám Đường, tr. 67). Người cổ xưa dùng rìu đá chặt cây, phạt cỏ, để khô rồi dùng lửa đốt làm phân bón, đồng thời khiến khoảng đất có cây, cỏ bị đốt trở nên xốp hơn, sau đó dùng cây gỗ nhọn làm tời đất, chọc lỗ rồi gieo hạt và đợi thu hoạch. Khi thu hoạch, lấy dao đá, vỏ con trai mài thành hình liềm để cắt hoa màu. Bởi thế, lửa gắn liền với phương thức sản xuất nông nghiệp nguyên thủy. Trong 《汉语成语大词典》/ “Đại từ điển thành ngữ tiếng Hán”, chúng tôi khảo sát được 07 thành ngữ

phản ánh nội hàm văn hóa này, cụ thể có thành ngữ “火耨刀耕” (hỏa nậu đao canh), “刀耕火种” (đao canh hỏa chủng), “刀耕火耨” (đao canh hỏa nậu), “刀耕火耘” (đao canh hỏa vân) đều để chỉ hình thức canh tác nông nghiệp nguyên thủy. Trong những thành ngữ này, 火 mang tầng nghĩa thứ nhất, 火耨(hỏa nậu), 火耕 (hỏa canh), 火耘 (hỏa vân) đều chỉ việc dùng lửa để đốt cây cỏ. Thành ngữ “火耕流种” (hỏa canh lưu chủng) hay “火耕水种” (hỏa canh thủy chủng) hoặc “火耕水耨” (hỏa canh thủy nậu) cũng có nghĩa chỉ hình thức trồng trọt canh tác cổ xưa, trước tiên dùng lửa để đốt cỏ dại, sau đó dẫn nước để trồng trọt. Những thành ngữ này đều phản ánh phương thức sản xuất nông nghiệp thuở sơ khai, khi trình độ canh tác của người Trung Quốc còn rất thấp kém.

Cũng là quốc gia có truyền thống nông nghiệp, nhưng với đặc điểm địa hình nhiều sông ngòi, ao hồ, kênh rạch, hình thức canh tác nông nghiệp của Việt Nam gắn với nước, từ thời sơ khai ngoài việc săn bắt hái lượm đã xuất hiện cấy lúa nước. Trong truyền thuyết bánh chưng bánh dày của người Việt Nam, ngay từ đời vua Hùng Vương thứ VI, vua đã chọn hoàng tử Lang Liêu làm người kế vị khi hoàng tử dâng lên vua hai loại bánh là bánh chưng và bánh dày làm từ gạo nếp và gạo tẻ. Gạo nếp lúc bấy giờ là lương thực chính của dân tộc (Trần Văn Đạt, 2010). Chính bởi vậy, yếu tố lửa tuy có vai trò nhất định, song không thật rõ nét trong nông nghiệp Việt Nam. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi không tìm được thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa”

nào trong tiếng Việt phản ánh nội hàm văn hóa này.

3.2. Phản ánh chiến thuật quân sự trong chiến tranh thời cổ đại

Trong chiến tranh thời cổ đại ở Trung Quốc, lửa được xem là vũ khí và phương tiện truyền thông tin quan trọng. Chúng tôi khảo sát được 05 thành ngữ là “炮火连天” (pháo hỏa liên thiên), “战火纷飞” (chiến hỏa phân phi), “烽火连天” (phong hỏa liên thiên), “连天烽火”(liên thiên phong hỏa) và “烽火相连” (phong hỏa tương liên) có liên quan đến chiến thuật quân sự thời cổ đại.

Vào thời kỳ cuối Đường đầu Tống, xuất phát từ pháo bắn đá, người Trung Quốc đã dùng thuốc nổ thay đá để bắn, trở thành hỏa pháo đầu tiên, xe hỏa pháo được dùng rộng rãi trong chiến tranh Tống - Kim (Vương Kiếm Huy, Dịch Học Kim, 2004, tr 458). Thành ngữ “炮火连天” (pháo hỏa liên thiên) chỉ việc hỏa pháo tấn công liên tiếp, “战火纷飞” (chiến hỏa phân phi) có nghĩa lửa chiến tranh ngùn ngụt khắp nơi, trong đó 火 mang tầng nghĩa thứ 2 và 3, chỉ pháo hỏa, hỏa khí, cả hai thành ngữ đều miêu tả cảnh chiến tranh vô cùng khốc liệt, chiến sự không ngớt.

Thời cổ đại, phong hỏa (烽火) là một công cụ thông tin cảnh báo khi xảy ra chiến tranh, xuất hiện từ khoảng hơn 2700 năm trước (Vương Kiếm Huy, Dịch Học Kim, 2004, tr 449). Câu chuyện lịch sử “烽火戏诸侯” (Phong hỏa hí chư hầu) nổi danh sử sách Trung Quốc, viết về Chu U Vương, vị vua cuối cùng thời Tây Chu

(Thế kỷ 11 đến năm 771 TCN) vì say mê Bao Tự, để đánh đổi nụ cười của mỹ nhân đã nhiều lần đốt “phong hỏa” lừa gọi chư hầu các nước đến cứu viện, cuối cùng dẫn đến họa mất nước được ghi chép trong Sử ký Tư Mã Thiên cũng minh chứng việc lấy “phong hỏa” làm phương tiện truyền tin xuất hiện ở Trung Quốc từ rất sớm. Điểm đốt “phong hỏa” gọi là “Phong hỏa đài”, thường được xây trên gò đồi cao, dễ để quan sát các vị trí cao và xa. Ở mỗi “Phong hỏa đài” đều chất đầy củi rơm hoặc phân động vật là chất dễ bốc khói, có quân sĩ ngày đêm canh giữ. Khi phát hiện kẻ địch xâm nhập, liền liên tiếp nhóm “phong hỏa” để báo tin, thông tin như vậy sẽ rất nhanh truyền đến khu vực chỉ huy quân sự (韩鉴堂/ Hàn Giám Đường, 2002, tr 74-75). Đời nhà Hán, chiến tranh với người Hung Nô xảy ra liên miên, men theo Trường thành và biên cương Tây Bắc của Trung Quốc xây dựng rất nhiều “phong hỏa đài”. Các thành ngữ “烽火连天” (phong hỏa liên thiên), “连天烽火” (liên thiên phong hỏa) và “烽火相连” (phong hỏa tương liên) nghĩa đen là phong hỏa nối từ ngày này sang ngày khác, miêu tả cảnh chiến tranh đều thoát thai từ “phong hỏa đài”. Thành ngữ “烽火相连” (phong hỏa tương liên) ngoài ý nghĩa kể trên còn miêu tả cảnh biên cương được phòng bị nghiêm ngặt, đâu đâu cũng thấy “phong hỏa đài”. Việc người Trung Quốc cổ xưa sử dụng “hỏa pháo” làm vũ khí, “phong hỏa” và “phong hỏa đài” làm phương tiện truyền tin trong chiến tranh chủ yếu là bởi người Trung Quốc sớm đã phát minh ra thuốc nổ, pháo bắn đá, hơn

nữa, đất nước Trung Quốc có địa hình rộng lớn, khu vực men Trường thành và biên cương Tây Bắc phần lớn là vùng núi, hoang vắng, đốt “phong hỏa” là hình thức nhanh nhất để báo động, bởi thế những thành ngữ trên gắn liền với đặc điểm địa hình, văn hóa riêng của người Trung Quốc, không tìm được thành ngữ tiếng Việt có cách nói tương đương.

Cũng là đất nước trải qua nhiều cuộc chiến tranh thời cổ đại, nhưng do yếu tố địa hình có đường bờ biển dài, nhiều sông ngòi kênh rạch, nên yếu tố nước mới đóng vai trò chủ đạo, là lợi thế để người Việt Nam tận dụng trong các cuộc chiến trong chống giặc ngoại xâm. Trận chiến sông Bạch Đằng với quân Nam Hán là một ví dụ điển hình. Ngoài ra, trong chiến tranh thời cổ đại, vũ khí người Việt Nam sử dụng phổ biến là tre, nứa hoặc những vũ khí được chế tạo từ tre, nứa như gậy, lao, cung tên, thương bện... Hình ảnh Thánh Gióng nhổ bụi tre làm vũ khí đánh giặc đã ăn sâu vào tiềm thức của người Việt Nam qua nhiều thế hệ. Lửa, bởi thế không phải là yếu tố chính có ảnh hưởng lớn xuất hiện trong các cuộc chiến tranh thời cổ đại ở Việt Nam. Trong các thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” được khảo sát từ cuốn “Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam”, chúng tôi chỉ tìm được 02 thành ngữ “Biển lửa rừng gươm” mượn hình ảnh trong thành ngữ “刀山火海” (đao sơn hỏa hải) trong tiếng Trung Quốc và “Binh đao khói lửa” phản ánh trạng thái của chiến tranh, không có thành ngữ chứa chữ “Hỏa” nào liên quan đến nội hàm văn hóa này.

3.3. Phản ánh trạng thái cảm xúc

Lửa là năng lượng có tính nhiệt rất cao, dễ dàng thiêu đốt các vật chất khác, hơn nữa tốc độ thiêu hủy cũng rất nhanh. Do tính năng đặc thù của lửa, trong tiếng Hán và tiếng Việt, lửa đều được so sánh với tâm trạng sốt ruột, nóng vội, sự thô bạo, phần nộ của con người, lửa còn dùng để chỉ trạng thái tâm trạng sôi sục, tình cảm mãnh liệt. Chúng tôi khảo sát được 09 thành ngữ có chứa chữ “火” (HUO), 06 thành ngữ chứa chữ “Lửa” và không có thành ngữ chứa chữ “Hỏa” nào mang ý nghĩa phản ánh trạng thái cảm xúc.

Trong tiếng Hán, thành ngữ “撮盐入火” (toát diêm nhập hỏa) có ý nghĩa là muối hắt cho vào lửa là sẽ nổ, so sánh với người có tính tình thô bạo, nóng nảy; Thành ngữ “火烧火燎” (hỏa thiêu hỏa liệu) có nghĩa lửa thiêu lửa đốt, “油煎火燎” (du tiên hỏa liệu) nghĩa đen là dầu rán lửa thiêu, cả hai đều so sánh với việc sốt ruột như có lửa thiêu trong lòng, miêu tả tâm trạng vô cùng lo lắng, ý nghĩa tương đồng với thành ngữ “心急火燎” (tâm cấp hỏa liệu: lòng nóng lửa thiêu), “心焦如火” (tâm tiêu như hỏa: lòng lo như lửa). Thành ngữ “火冒三丈” (hỏa mao tam trượng) có nghĩa lửa bốc cao đến 3 trượng hay “满腔怒火” (mãn khoang nộ hỏa) có nghĩa lửa giận đầy trong hòng, cả hai thành ngữ đều dùng để so sánh với tâm trạng bức tức nóng giận đến cực điểm. Những hình ảnh kết hợp với lửa dùng để so sánh trong các thành ngữ trên (muối, dầu ăn) đều rất quen thuộc trong đời sống thường ngày, là những thứ không thể thiếu trong công việc bếp núc của người dân Trung Quốc từ cổ

chí kim. Người Trung Quốc có thói quen ăn nhiều dầu mỡ, đồ ăn thiên về vị mặn, phương thức nấu ăn phổ biến là rán, xào với lửa to, bởi thế dầu ăn, muối và lửa đốt (火燎) là những sự vật điển hình phản ánh thói quen ẩm thực đặc trưng của người Trung Quốc.

Trong tiếng Việt, thành ngữ “Lòng (nóng) như lửa đốt” hay “Ruột gan nóng như lửa đốt” có cách diễn đạt tương đương với thành ngữ “心焦如火” (tâm tiêu như hỏa) hay “心急火燎” (tâm cấp hỏa liệu), đều thể hiện tâm trạng lo lắng, sốt ruột, không yên. Ngoài ra, tiếng Việt còn có thành ngữ “Như đứng đồng lửa như ngồi đồng than” hay “Như ngồi đồng lửa như nằm đồng than” cũng để miêu tả tâm trạng bồn chồn lo lắng. Trong đó, “than” là nguyên liệu dùng để đốt quen thuộc phổ biến trong công việc bếp núc của người Việt Nam.

Bên cạnh đó, lửa còn được dùng để so sánh với tình cảm nồng nhiệt giữa người nam và người nữ. Thành ngữ “干柴烈火” (can sài liệt hỏa) hoặc “烈火干柴” (liệt hỏa can sài) có nghĩa đen là củi khô (là vật rất dễ cháy) gặp lửa mạnh, để miêu tả tình cảm/ dục vọng của người nam người nữ khi ở gần nhau vô cùng mãnh liệt, nồng nhiệt. Hai thành ngữ này sử dụng hình ảnh và có ý nghĩa tương đương với thành ngữ “Củi khô gặp lửa” trong tiếng Việt. Ngoài ra, người Việt Nam còn dùng hình ảnh lửa và rơm trong câu thành ngữ “Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén” để chỉ nam nữ ở gần nhau lâu ngày dễ nảy sinh tình cảm luyến ái. Rơm là hình ảnh vô cùng gần gũi với người nông dân Việt Nam. Sau khi thu hoạch lúa ngoài cánh đồng, rơm (phần

thân cây lúa đã gặt và đập hết hạt) thường được gom và dồn lại thành đồng rơm hay ụ rơm, khi cần sử dụng (để đun nấu hàng ngày, lợp nhà, làm thức ăn gia súc...) thì rút rơm ra. Những ụ rơm như vậy nếu để gần lửa sẽ bén và bốc cháy. Câu thành ngữ này cũng xuất phát từ kinh nghiệm của người nông dân Việt Nam với hiện tượng, sự vật quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

3.4. Phản ánh quan niệm và cách thức ứng xử

Là người dân của hai đất nước có truyền thống nông nghiệp, cả người Trung Quốc và người Việt Nam đều rất coi trọng việc ăn uống, đều có cách nói “dân dĩ thực vi thiên” hoặc “dân dĩ thực vi tiên”, khẳng định việc ăn được coi trọng hàng đầu. Phụ nữ Trung Quốc cũng như Việt Nam truyền thống không rời xa gian bếp, các công việc trong bếp như đun nước, nấu cơm, làm thức ăn đều không thể tách rời lửa. Có thể nói, lửa là yếu tố rất gần gũi trong đời sống của người dân hai nước. Người Trung Quốc mượn hình ảnh lửa, kết hợp với những yếu tố quen thuộc trong đời sống hàng ngày (dầu, gạo, củi, muối, tương, giấm, trà - 7 yếu tố thiết yếu trong đời sống của người Trung Quốc) để phản ánh quan niệm, cách ứng xử trong cuộc sống. Kết quả khảo sát cho thấy, có 11 thành ngữ chứa chữ “火” (HUO), 17 thành ngữ chứa chữ “Lửa” và không có thành ngữ chứa chữ “Hỏa” thể hiện điều này.

Trong những thành ngữ chứa chữ “火” (HUO), như đã phân tích ở trên, với thói quen ăn uống chuộng dầu mỡ, thích các món rán, xào, dầu ăn là yếu tố đặc trưng

không thể thiếu trong hầu hết món ăn của người Trung Quốc. Bởi thế, nhiều thành ngữ đều mượn hình ảnh dầu ăn để so sánh, ví von. Thành ngữ “火上浇油” (hỏa thượng nghiêu du), “火上加油” (hỏa thượng gia du), hay “泼油救火” (bát du cứu hỏa), có nghĩa đen lần lượt là đốt dầu trên lửa, thêm dầu vào lửa và hắt dầu để dập lửa. Ba thành ngữ này đều mượn hình ảnh dầu và lửa là hai vật bắt cháy với nhau để so sánh với cách ứng xử hay việc làm không đúng khiến đối phương càng tức giận hoặc khiến sự việc càng trở nên trầm trọng. Thành ngữ “ đổ dầu vào lửa”, “Như lửa cháy đổ thêm dầu” trong tiếng Việt cũng mượn hình ảnh lửa và dầu để phản ánh ý nghĩa tương tự.

Bên cạnh đó, người Trung Quốc còn sử dụng những hình ảnh rất quen thuộc trong nông nghiệp truyền thống là “麻” (cây gai) hay “薪” (rơm) trong những thành ngữ như “披麻救火” (phi ma cứu hỏa), có nghĩa đen là ôm cây gai đi cứu lửa, “把薪助火” (bá tân trợ hỏa), nghĩa đen là lấy rơm trợ giúp lửa, “抱薪救火” (bảo tân cứu hỏa) hay “负薪救火” (phụ tân cứu hỏa), nghĩa đen là ôm rơm/ gánh rơm đi cứu lửa. Những thành ngữ này lần lượt so sánh với việc tự mình gây họa hay cách ứng xử không đúng, phương pháp không đúng làm cho tình hình càng trở nên nghiêm trọng. Trong tiếng Việt, thành ngữ “Ôm rơm cứu lửa” cũng sử dụng hình ảnh và biểu đạt ý nghĩa tương tự. Ngoài ra, người Việt Nam còn có cách nói “Lửa đã đỏ lại bỏ thêm rơm” để phản ánh cách ứng xử thiếu tích cực hay cách xử lý không đúng khiến sự việc càng trở nên trầm trọng.

Trong các thành ngữ chứa chữ “火” (HUO), chúng tôi không khảo sát được thành ngữ nào phản ánh quan niệm, cách ứng xử trong đời sống vợ chồng, làng xóm láng giềng. Còn trong tiếng Việt, có 4 (trong số 17) thành ngữ phản ánh nội hàm văn hóa này. Thành ngữ “Cơm khê tại lửa” hay “Cơm sôi cả lửa thì trào” phản ánh quan niệm của người Việt Nam về cách ứng xử mỗi quan hệ vợ chồng. Cơm khê là do để quá lửa, cơm lúc sôi mà vẫn để lửa to thì sẽ trào ra ngoài. Điều này cũng giống như cách ứng xử giữa vợ chồng với nhau, nếu hai vợ chồng không biết nhường nhịn, không biết giữ hòa khí, thì quan hệ vợ chồng cũng khó lòng tốt đẹp, sẽ dễ dẫn đến rạn nứt hay tan vỡ. Hay nói về quan hệ hàng xóm láng giềng, người Việt có cách nói “Sớm lửa tối đèn” hay “Tắt lửa, tối đèn” để so sánh với tình cảm hàng xóm láng giềng luôn có nhau, giúp đỡ nhau trong khó khăn, hoạn nạn. Ngoài ra, người Việt còn dùng hình ảnh lửa và khói trong câu thành ngữ “Không có lửa làm sao có khói” để thể hiện quan niệm của mình khi nhìn nhận đánh giá sự việc. Mọi việc đều có nguyên nhân, là hệ quả của nhau.

Trong quan niệm của người Trung Quốc và người Việt Nam, lửa, ngoài những tác dụng không thể phủ nhận trong cuộc sống, còn có “mặt trái” vô cùng đáng sợ. Với nhiệt lượng rất mạnh, lửa có thể thiêu đốt hủy hoại mọi vật, gây ra hỏa hoạn, mang lại sự sợ hãi cho con người. Lửa bởi thế còn biểu trưng cho mặt trái, thói xấu, tai họa. Trong tiếng Trung Quốc có thành ngữ “欲火焚身” (dục hỏa phân thân), “引火烧身” (dẫn hỏa thiêu thân),

“惹火烧身” (nhạ hỏa thiêu thân), “玩火自焚” (ngoạn hỏa tự phân) nghĩa đen lần lượt là muốn lửa đốt thân, dẫn lửa thiêu thân, khiêu khích để lửa đốt thân, đùa với lửa tự thiêu, đều so sánh với việc tự chuốc họa vào thân hoặc tự tìm đến cái chết. Thành ngữ “Đùa với lửa” hay “Chơi với lửa”, “Chơi với lửa sẽ bị lửa thiêu”, “Tự mình nhảy vào lửa” trong tiếng Việt cũng có ý nghĩa tương tự. Ở nội hàm văn hóa này, trong thành ngữ tiếng Việt còn có cách nói “Gần lửa rất mặt” có hàm ý gần quan trên, cấp trên thì luôn luôn phải giữ mình, chịu gò ép, giữ gìn ý tứ, không được tự do thoải mái. Lửa còn được so sánh với việc làm bịa đặt vu khống gây tai vạ cho người khác trong thành ngữ “Bỏ lửa tay người”, “Bốc lửa bỏ tay người”, “Bốc lửa bỏ bàn tay”.

3.5. Phản ánh mối quan hệ với triết học và tôn giáo

Ngũ hành là học thuyết có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống của người Trung Quốc. Theo học thuyết này, lửa thuộc hành hỏa, đại diện cho năng lượng của mùa hè, là ánh nắng mặt trời tỏa sáng rực rỡ, có sự tác động qua lại với các “hành” khác (Kim, Mộc, Thủy, Thổ) theo quy luật tương sinh tương khắc. Người Trung Quốc thông qua mối quan hệ giữa hành Hỏa với các “hành” khác để phản ánh các vấn đề trong cuộc sống. Trong các thành ngữ có chứa chữ “火” (HUO), chúng tôi khảo sát được 05 thành ngữ sử dụng hai “hành” tương khắc nhau là “thủy” và “hỏa”, cụ thể là “水火不相容” (thủy hỏa bất tương dung) có nghĩa nước và lửa không thể dung hòa, so sánh với hai sự

việc hoàn toàn đối lập, không thể tương tác hòa hợp với nhau, “水火无情” (thủy hỏa vô tình) có nghĩa hỏa hoạn và lũ lụt đều đáng sợ, nếu sơ ý sẽ gây ra họa lớn, “有如水火” (hữu như thủy hỏa) có nghĩa như nước với lửa, không thể dung hòa với nhau, “远水不救近火” (viễn thủy bất cứu cận thủy) và “远水救不了近火” (viễn thủy cứu bất liệu cận thủy) đều có nghĩa nước xa không cứu được lửa gần, so sánh với cách làm chậm, lãng phí thời gian không giải quyết được việc cấp bách; 01 thành ngữ sử dụng hành “hỏa” và “kim” cũng là hai hành tương khắc nhau là “真金不怕火炼” (Chân kim bất phạ hỏa luyện). Hỏa vốn khắc kim, lửa có thể nung chảy kim loại, nhưng trong câu thành ngữ này, ý nghĩa là vàng thật không sợ lửa nung, so sánh với người có phẩm chất tốt, ý chí kiên cường không sợ thử thách. Kết quả khảo sát cho thấy, trong tiếng Việt, có 01 thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, 02 thành ngữ chứa chữ “Lửa” cũng sử dụng yếu tố “lửa”, “nước”, “kim” là “Thủy hỏa bất tương dung”, “Như nước với lửa” để chỉ hai sự vật hoàn toàn đối lập nhau, “Lửa thử vàng, gian nan thử sức” (vàng đại diện cho “hành” kim) để so sánh với việc gặp khó khăn, nguy khốn mới thể hiện được rõ tài đức, chí khí, lòng trung thực, qua thử thách mới rõ tốt xấu, cả 03 thành ngữ này đều chịu ảnh hưởng cách diễn đạt trong tiếng Hán.

Ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, Phật giáo là tôn giáo ngoại lai có ảnh hưởng lớn nhất. Trong Phật giáo, lửa là biểu hiện của sự thông tuệ, sáng suốt, giúp con người vượt qua bóng tối và những

điều ác, lửa hiện thân của trí tuệ - yếu tố quan trọng trong hành trình tu hành, đắc đạo. Lửa còn là biểu hiện của tấm lòng thơm thảo của Phật tử, là phương tiện truyền gửi thông điệp, nguyện vọng của con người đến với thần phật, được hiện hữu thông qua nén hương, ánh nến, ngọn đèn. Nén hương và đèn, nến là những vật không thể thiếu khi thờ phật. Trong 《汉语成语大词典》/ “Đại từ điển thành ngữ tiếng Hán”, chúng tôi khảo sát được 02 thành ngữ là “香火不断” (hương hỏa bất đoạn) và “香火姻缘” (hương hỏa nhân duyên). Thành ngữ thứ nhất miêu tả hương và đèn, nến mà các đệ tử tín phật dâng lên thần phật không bao giờ hết, điều này cũng phản ánh ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống của người dân Trung Quốc. Thành ngữ thứ hai sử dụng hình ảnh nén hương và đèn, nến đều là vật không thể thiếu khi thờ phật, kết hợp với “nhân duyên” (duyên phận dẫn đến hôn nhân) là cách nói trong đạo Phật, để so sánh với việc mong mỏi, ý nguyện của cả hai bên rất tương hợp. Trong tiếng Việt cũng có 02 thành ngữ chứa chữ “Lửa” và 01 thành ngữ chứa chữ “Hỏa” là “Duyên hương lửa” sử dụng hình ảnh tương tự như trong tiếng Trung Quốc nhưng ý nghĩa lại để chỉ tình yêu thương thầm thiết vợ chồng (“Phải duyên hương lửa cùng nhau” - Cung oán ngâm khúc, Nguyễn Gia Thiều); “Hương lửa ba sinh” và “ba sinh hương hỏa” để chỉ lời nguyện có hiệu lực đến ba đời. “Ba sinh” là cách nói trong Phật giáo, chỉ kiếp trước, kiếp này và kiếp sau theo thuyết Luân hồi của Phật giáo. Trong truyện Kiều của Nguyễn Du, Kim Trọng khi du xuân gặp Thúy Kiều liền

mang lòng tương tư, nhưng nhớ, nên có câu rằng: “Ví chăng duyên nợ ba sinh, làm chi đem thói khuynh thành trêu người.”

Thay lời kết luận

Lửa với nhiều đặc tính khác nhau, nhiều tầng ý nghĩa khác nhau thể hiện ở cả phương diện tích cực và tiêu cực. Dưới góc nhìn ngôn ngữ học văn hóa, kết quả khảo sát phần nào phản ánh được những đặc trưng văn hóa Trung Hoa thông qua thành ngữ chứa chữ “火” (HUO) trong tiếng Hán. Đồng thời thông qua sự so sánh với thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt, có thể thấy được đôi nét về sự tương đồng khác biệt trong phương thức tư duy và biểu trưng văn hóa của hai dân tộc.

Thứ nhất, cùng là hai quốc gia lấy sản xuất nông nghiệp làm chủ đạo, nhưng đối với Trung Quốc, “hỏa canh” là phương thức sản xuất nông nghiệp nguyên thủy, bởi vậy lửa có dấu ấn khá đậm nét thể hiện trong thành ngữ, còn Việt Nam do yếu tố địa hình nhiều ao hồ, kênh rạch, sông ngòi, nông nghiệp Việt Nam gắn liền với nước, là nông nghiệp trồng lúa nước điển hình, yếu tố lửa bởi thế không thật rõ nét trong phương thức sản xuất của người Việt.

Thứ hai, cùng là hai quốc gia trải qua nhiều cuộc chiến tranh thời cổ đại, nhưng người Trung Quốc sớm đã phát minh ra thuốc nổ, hỏa pháo, thêm vào đó, đời nhà Hán, ở vùng biên giới phía Tây Bắc thường xảy ra chiến tranh, đây là nơi địa hình nhiều đồi núi, rộng lớn, nên chiến thuật quân sự thời cổ đại ở Trung Quốc gắn liền với lửa, với hỏa pháo, phong hỏa

đài, còn người Việt lại tận dụng điều kiện tự nhiên là nước và tre để làm vũ khí chống giặc ngoại xâm. Bởi thế, lửa xuất hiện trong thành ngữ phản ánh chiến tranh rất ít, và một phần chịu ảnh hưởng từ thành ngữ tiếng Hán.

Thứ ba, Người Trung Quốc và Việt Nam đều rất coi trọng việc ăn uống, coi trọng công việc bếp núc, lửa bởi thế là yếu tố quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của cư dân hai nước, cùng phản ánh trạng thái cảm xúc, quan niệm và phương thức ứng xử. Trong đó, với thói quen ăn uống nhiều dầu mỡ, phương thức xào, rán (bằng lửa to) rất phổ biến, nên trong thành ngữ chứa chữ “火” (HUO), người Trung Quốc thường dùng hình ảnh lửa kết hợp với dầu để phản ánh trạng thái cảm xúc sôi ruột, không yên hay cách ứng xử không phù hợp, khiến tình hình càng trở nên nghiêm trọng. Thành ngữ chứa chữ “Lửa” trong tiếng Việt cũng có ảnh hưởng cách diễn đạt này. Bên cạnh đó, cả Trung Quốc và Việt Nam đều có truyền thống trồng lúa nước, nên lửa kết hợp với rơm cũng là hình ảnh được nhắc đến nhiều trong thành ngữ chứa chữ “火” (HUO) và thành ngữ chứa chữ “Lửa” để phản ánh cách thức ứng xử trong cuộc sống của hai dân tộc. Trong các thành ngữ chứa chữ “火” (HUO), không có thành ngữ nào phản ánh mối quan hệ vợ chồng, làng xóm láng giềng, nhưng điều này lại được phản ánh khá rõ trong các thành ngữ chứa chữ “Lửa”. Ngoài ra, Lửa trong cách nhìn của người Trung Quốc và người Việt Nam không chỉ có mặt tốt, tích cực mà còn phản ánh yếu tố tiêu cực, đáng sợ. Điều này xuất phát từ việc cả hai dân tộc

đều nhận thức được tính “hủy diệt” của lửa là vô cùng nghiêm trọng. Lửa có thể thiêu đốt mọi vật, gây ra hỏa hoạn và hủy diệt sự sống.

Cuối cùng, thành ngữ có chứa chữ “火” (HUO) và thành ngữ có chứa chữ “Lửa” còn phản ánh ảnh hưởng của học thuyết Ngũ hành và của Phật giáo trong đời sống của hai dân tộc. Trong thuyết Ngũ hành, Hỏa là một trong năm “hành” đại diện, cùng với Kim, Mộc, Thủy, Thổ, Hỏa vận động theo quy luật tương sinh tương khắc, thông qua đó, vạn vật tồn tại và phát triển. Học thuyết này có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội Trung Quốc và cả các nước Châu Á trong đó có Việt Nam. Ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, tuy là tôn giáo ngoại lai, nhưng Phật giáo có vai trò rất lớn. Nếu ở Trung Quốc tồn tại hiện tượng tam giáo đồng nguyên, có nghĩa Nho giáo - Đạo giáo - Phật giáo cùng tồn tại và có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống xã hội thì ở Việt Nam, Phật giáo là tôn giáo lớn nhất, được coi là “quốc giáo”.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, số lượng thành ngữ chứa chữ “Hỏa” trong tiếng Việt phản ánh những nội hàm văn hóa kể trên là rất ít, nếu có cũng là chịu ảnh hưởng từ tiếng Hán. Sự tương đồng khác biệt trong văn hóa của Trung Quốc và Việt Nam được phản ánh thông qua thành ngữ chứa chữ “火” (HUO) trong tiếng Hán và thành ngữ chứa chữ “Hỏa”, “Lửa” trong tiếng Việt vừa thể hiện sự giao thoa về mặt ngôn ngữ, văn hóa giữa hai nước Việt-Trung, vừa phản ánh những

đặc trưng văn hóa riêng biệt của mỗi quốc gia dân tộc.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. 陈胤谷、姬广礼、贾德江/ Trần Dân Cốc, Cơ Quảng Lễ, Giả Đức Giang (2011), 《从原型理论看“火”的汉语成语及其翻译》/ Thành ngữ có chữ “HUO” trong tiếng Hán và cách dịch từ góc nhìn lý luận nguyên mẫu, 牡丹江大学学报/ Học báo Đại học Đồ Đan Giang.
2. 高列过/ Cao Liệt Quá, (2009), 《三则与佛教“火”比喻相关的成语》/ Ba thành ngữ có liên quan đến việc so sánh với “HUO” (Lửa) trong Phật giáo, 中国典籍与文化/ Điện tích và văn hóa Trung Quốc.
3. 王兴国/ Vương Hưng Quốc (2018), 《汉语成语大词典》/ Đại từ điển thành ngữ Hán ngữ, 华语教学出版社/ Nhà xuất bản dạy học Hoa ngữ.
4. 韩鉴堂/ Hàn Giám Đường (2002), 《中国文化》/ Văn hóa Trung Quốc, 国际文化出版公司/ Công ty Xuất bản văn hóa Quốc tế.
5. Edward Sapir (1921), *Language An Introduction to the study of speech*, New Yord: Harcourt, Brace.
6. L.R. Palmer (1936), *An introduction to Modern Linguistics*, Macmillan & Company Ltd.
7. Nguyễn Văn Chiên (2004), *Tiến tới xác lập vốn từ vựng văn hóa Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Trần Văn Đạt (2010), *Lịch sử trồng lúa Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp.
9. Vương Kiêm Huy, Dịch Học Kim (2004), *Tinh hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*, Nxb. Thế giới.
10. Nguyễn Lân (2011), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb. Văn học.